

## **BÁO CÁO**

**Về việc tiếp thu, bổ sung, giải trình ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo thẩm tra số 204/BC-HĐND ngày 02/12/2022**

Căn cứ ý kiến Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo thẩm tra số 204/BC-HĐND ngày 02/12/2022 về tình hình thực hiện ngân sách năm 2022, dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2023; xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm giai đoạn 2023 - 2025, UBND tỉnh tiếp thu toàn bộ nội dung, ý kiến tại Báo cáo thẩm tra nêu trên và bổ sung, giải trình một số nội dung như sau:

### **1. Đối với ý kiến thẩm tra báo cáo đánh giá thực hiện chi ngân sách năm 2022**

**1.1. Về đề nghị báo cáo bổ sung làm rõ cơ sở dự ước giải ngân vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 vốn đầu tư đạt 58%, vốn sự nghiệp đạt 56% tại phần đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm 2022.**

UBND tỉnh tiếp thu và giải trình cụ thể như sau: Trên cơ sở báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán năm 2022 (các Chương trình mục tiêu quốc gia) tại thời điểm ngày 30/9/2022 và báo cáo cam kết giải ngân từng tháng của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6959/UBND-TH ngày 19/10/2022 (tỷ lệ giải ngân theo cam kết của các đơn vị là 86%). Tuy nhiên, sau khi rà soát, kiểm tra tình hình thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại các địa phương, cơ quan chuyên môn đánh giá lại và ước thực hiện chi đầu tư đạt 58% (không tính số chi tạm ứng chuyển nguồn sang năm 2023 dự kiến khoảng 20%); chi thường xuyên đạt 58% (đã giảm một số nhiệm vụ không kịp giải ngân đúng thời hạn quy định).

*(Có biểu chi tiết ước thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương kèm theo).*

**1.2. Về đề nghị bổ sung số liệu các khoản còn phải thu hồi kinh phí thanh toán vượt giá trị quyết toán của các dự án đã phê duyệt quyết toán hoàn thành, các khoản nợ ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp. Những khó khăn, vướng mắc và giải pháp thu hồi kinh phí thanh toán vượt giá trị quyết toán, các khoản nợ ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp và các khoản ngân sách cấp tỉnh cho vay.**

UBND tỉnh tiếp thu và bổ sung nội dung sau: Hiện nay, số nợ còn phải thu hồi nộp ngân sách nhà nước là 19.663 triệu đồng, trong đó:

- Khoản nợ phải thu do thanh toán vượt giá trị quyết toán dự án hoàn thành là 9.120 triệu đồng; UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư rà soát, thu hồi nộp ngân sách nhà nước ngay sau khi quyết toán dự án; số nợ tồn đọng còn lại do một số nhà thầu không tự giác, còn cố tình chây ì hoặc gặp khó khăn về tài chính nên

không hoàn trả ngân sách nhà nước (NSNN); một số doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, giải thể; một số đơn vị chủ đầu tư đã giải thể như: Ban QLDA Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban QLDA Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ ban quản lý dự án đã chuyển công tác, nghỉ hưu nên việc thu hồi các khoản chi vượt tại đơn vị này rất khó thực hiện; đối với số phải thu chi phí đền bù GPMB đã trả tiền cho các hộ dân công tác thu hồi càng gặp khó khăn. UBND tỉnh đã chỉ đạo các chủ đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện thực hiện các giải pháp cụ thể, cương quyết (đã giao Công an tỉnh điều tra, xử lý các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật) để thu hồi, hoàn trả NSNN đối với khoản nợ phải thu nêu trên. Số nợ còn lại, UBND tỉnh tiếp tục thực hiện giải pháp đã triển khai và chỉ đạo đơn đốc thu hồi theo quy định.

- Khoản nợ ngân sách nhà nước tồn đọng nhiều năm tại 03 doanh nghiệp và 02 đơn vị sự nghiệp với số tiền là 10.543 triệu đồng (chi tiết tại biểu số 05 gửi kèm Báo cáo số 754/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh). Các khoản nợ trên phát sinh từ những năm 2002-2006, rất khó thu hồi; UBND tỉnh đã nhiều lần tổ chức mời lãnh đạo các đơn vị đến làm việc, đại diện các đơn vị đều cam kết sẽ trả nợ, tuy nhiên đến thời hạn không thực hiện theo cam kết; để thu hồi khoản nợ trên, UBND tỉnh đã phân loại nợ để có giải pháp cụ thể, quyết liệt hơn như giao trách nhiệm trả nợ theo lộ trình cho người đứng đầu đối với đơn vị có khả năng trả nợ; đề xuất phương án sắp xếp phá sản doanh nghiệp theo luật định nếu không có khả năng trả nợ.

## **2. Đối với ý kiến thẩm tra dự toán thu ngân sách năm 2023**

**Về đề nghị UBND tỉnh làm rõ tính khả thi trong việc giao kế hoạch thu tiền sử dụng đất năm 2023 là 206.000 triệu đồng.**

UBND tỉnh báo cáo, giải trình vấn đề này như sau: Trên cơ sở số thu tiền sử dụng đất năm 2022 dự kiến đạt 195.900 triệu đồng và nguồn thu mới phát sinh năm 2023 từ các dự án tại thành phố Bắc Kạn, huyện Ba Bể, huyện Chợ Đồn dự kiến khoảng 120.000 triệu đồng (đã được tổng hợp điều chỉnh bổ sung vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025); sau khi xem xét kết quả rà soát, thống nhất của các cơ quan chuyên môn và UBND các huyện, thành phố, UBND tỉnh đề nghị giao 206.000 triệu đồng tăng 56.000 triệu đồng so với số Trung ương giao và tăng 5% so với thực hiện năm 2022. Kế hoạch thu tiền sử dụng đất năm 2023 đề ra hoàn toàn có cơ sở thực hiện và tỷ lệ tăng so với thực hiện năm 2022 phù hợp với tăng bình quân theo quy định (7-9%).

## **3. Đối với ý kiến thẩm tra dự toán ngân sách địa phương năm 2023**

**3.1. Về ý kiến thẩm tra đối với Phụ lục số 02 về dự toán chi ngân sách giao chi tiết theo nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh năm 2023 kèm theo báo cáo số 754/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh**

UBND tỉnh báo cáo, giải trình như sau:

**3.1.1. Đối với ý kiến: “Có một số nhiệm vụ chi tương đồng với nhiệm vụ chi thường xuyên của đơn vị, đề nghị UBND tỉnh làm rõ các nhiệm vụ này có trùng với nhiệm vụ chuyên môn đã được tính trong định mức chi thường xuyên**

**của đơn vị không”, gồm:**

a) Đánh giá hiệu quả nhân rộng các đề tài dự án giai đoạn 2015 - 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ (135 triệu đồng):

Trong thời gian qua nhiều đề tài, dự án khoa học công nghệ đã được Hội đồng khoa học công nghệ tỉnh nghiệm thu và thực hiện bàn giao lại cho các địa phương nhằm nhân rộng mô hình để phát huy tối đa kết quả nghiên cứu. Để đánh giá cụ thể tình hình duy trì và nhân rộng các đề tài, dự án từ đó tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ những khó khăn, hạn chế trong quá trình duy trì và nhân rộng đề tài, dự án thì cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ “Đánh giá hiệu quả nhân rộng các đề tài dự án giai đoạn 2015-2022”.

Để triển khai thực hiện được nội dung nêu trên ngoài việc tổng hợp thông tin trên báo cáo của các đơn vị, địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ cần phải thực hiện các cuộc rà soát, đánh giá tại thực địa, hoạt động cần bố trí các khoản chi như: Công tác phí cho công chức thực hiện điều tra, kinh phí đi lại, kinh phí thực hiện hoạt động phỏng vấn, phát phiếu lấy ý kiến người dân, kinh phí chi trả công người dẫn đường. Do quy mô đánh giá của nhiệm vụ lớn (*số lượng đề tài, dự án cần rà soát trong giai đoạn khoảng trên 70 đề tài, dự án*), nguồn kinh phí chi thường xuyên theo định mức không có khả năng đảm bảo được vì còn phải bố trí cho rất nhiều khoản chi để duy trì hoạt động của đơn vị. Vì vậy, để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên, tỉnh cần phải bố trí nguồn ngân sách ngoài định mức chi thường xuyên để triển khai thực hiện.

b) Giám sát chất lượng sản phẩm nông lâm ngư nghiệp năm 2023 (220 triệu đồng): Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ "Giám sát chất lượng sản phẩm nông lâm ngư nghiệp " nhằm cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo từ cấp Trung ương đến địa phương<sup>1</sup>. Theo đó, nội dung “*Giám sát chất lượng sản phẩm nông lâm ngư nghiệp năm 2023*” là nhiệm vụ cụ thể thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Nội dung chính của nhiệm vụ khi triển khai thực hiện là mua mẫu, bảo quản và phân tích mẫu để kiểm tra chất lượng sản phẩm nông lâm ngư nghiệp, các khoản chi phí này không thuộc nội dung chi của kinh phí phục vụ hoạt động theo định mức quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị bố trí kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên để đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ.

c) Hỗ trợ khảo sát khu vực nuôi trồng thủy sản 110 triệu đồng: Để có cơ sở tham mưu triển khai nội dung nuôi trồng thủy sản tại hồ chứa thủy lợi, thủy điện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 6919/UBND-NNTNMT ngày 17/10/2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện công tác khảo sát để xác định khu vực nuôi cá lồng

<sup>1</sup> Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Thông tư số 08/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; Kế hoạch số 142-KH/TU ngày 29/11/2022 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Kế hoạch số 571/KH-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về thực hiện “Đề án đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

trên các hồ chứa thủy lợi, thủy điện, kiểm tra chất lượng nước đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành trong các lĩnh vực. Theo đó, nội dung chi phát sinh trong quá trình khảo sát gồm: Chi xét nghiệm mẫu nước, chi công tác phí phục vụ lấy mẫu và khảo sát. Các khoản chi này thuộc nhiệm vụ của UBND tỉnh giao, chi phí phát sinh khá lớn, nguồn kinh phí chi thường xuyên theo định mức không thể đảm bảo được, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên để đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ.

d) Thẩm định chuyển mục đích sử dụng rừng 132 triệu đồng: Tại điểm d, khoản 1, Điều 2 Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, UBND tỉnh giao: *“Chi cục Kiểm lâm là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hiện trường hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành; lập biên bản thẩm định hiện trường để làm cơ sở tổng hợp, báo cáo kết quả thẩm định hiện trường, đề nghị Hội đồng thẩm định cấp tỉnh xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định.”*

Theo nội dung nêu trên, Chi cục Kiểm lâm là cơ quan được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ thẩm định chuyển mục đích sử dụng rừng. Các nội dung triển khai thực hiện tại hiện trường nên kinh phí phát sinh chủ yếu là chi cho các nội dung xăng xe, tiền ăn, tiền ngủ. Mặt khác, đoàn công tác thẩm định là đoàn liên ngành nên toàn bộ các khoản chi phí phát sinh do Chi cục Kiểm lâm chi trả. Do kinh phí chi hoạt động của đơn vị theo định mức rất hạn hẹp trong khi phải thực hiện tiết kiệm 10% theo quy định và đảm bảo duy trì hoạt động của đơn vị trong cả một năm ngân sách nên việc bố trí từ nguồn chi thường xuyên theo định mức là không thể thực hiện được. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên để đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ.

### **3.1.2. Đối với ý kiến: “Có một số nhiệm vụ tương đồng với nhiệm vụ sự nghiệp của các chương trình MTQG, như:**

a) Tập huấn kỹ thuật sản xuất hữu cơ cho một số cây trồng chính trong nhiệm vụ của Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và quản lý chất lượng 169 triệu đồng;

Qua rà soát nội dung, đối tượng hỗ trợ của 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh nhận thấy đối tượng tập huấn kỹ thuật sản xuất hữu cơ cho một số cây trồng chính không thuộc đối tượng hỗ trợ của cả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

- Theo Kế hoạch số 524/KH-UBND ngày 16/8/2022 của UBND về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, năm 2023 tại Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng mục 3.1. Tiểu dự án 1: *Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp có nội dung tập huấn kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt nhưng đối tượng tập huấn là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật.*

- Theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp) thì đối tượng được tham gia các hoạt động tập huấn (chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật) phải gắn với các dự án liên kết, đối tượng tập huấn phải nằm trong chuỗi liên kết của dự án.

- Theo Kế hoạch số 760/KH-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tại Dự án 3: *Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thì đối tượng cây trồng là rừng và cây dược liệu quý.*

Trong khi mục tiêu chủ yếu của nhiệm vụ đề xuất bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương là nâng cao nhận thức của nông dân về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; chuyên giao kỹ thuật sản xuất hữu cơ đối với một số cây trồng chính (Lúa, Cam quýt, Mơ, Hồng không hạt, Chè, Dong riềng, Rau ...) tại các địa điểm đã được phê duyệt tại Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 774/KH-UBND tỉnh ngày 25/12/2020 kế hoạch Phát triển cây ăn quả đặc sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020 - 2025; Kế hoạch số 775/KH-UBND tỉnh ngày 25/12/2020 về Phát triển chế biến sản phẩm chè và miền dong trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2020 - 2025.

b) Tuyên truyền vận động hội viên nông dân sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng của Hội nông dân tỉnh 196 triệu đồng:

Ngày 25/7/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Theo đó, toàn bộ nội dung liên quan hoạt động tuyên truyền sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để triển khai các dự án, tiểu dự án chủ yếu tập trung vào các nội dung như: *Tuyên truyền phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai cho người dân, cộng đồng; Tuyên truyền vận động người dân cải tạo hệ thống thoát nước và áp dụng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế nước thải chưa được xử lý phát sinh ra môi trường; tuyên truyền, đào tạo bồi dưỡng quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về các hình thức tổ chức sản xuất, hợp tác xã; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về quản lý rủi ro trong nông nghiệp, lợi ích của bảo hiểm nông nghiệp.*

Tuy nhiên, năm 2023 kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới không lớn (tổng kinh phí 28.816 triệu đồng); do vậy, trong phương án dự kiến phân bổ không bố trí kinh phí cho các đơn vị đoàn thể của tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền.

Đối với nhiệm vụ tuyên truyền bố trí cho Hội Nông dân tỉnh từ nguồn ngân sách tỉnh: Căn cứ vào Chương trình phối hợp số 01/CTPH-CP-HNDVN-HLHPNVN

ngày 13/10/2021 giữa Chính Phủ - Hội Nông dân Việt Nam - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2025 để xem xét, bố trí kinh phí thực hiện; nội dung tuyên truyền không trùng lặp với các nội dung của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Do đó, để đảm bảo mục tiêu của chương trình phối hợp, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

c) Tuyên truyền kiến thức về HTX của Liên minh HTX 134 triệu đồng.

Nhiệm vụ UBND tỉnh giao bố trí từ ngân sách địa phương: Ngày 14/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1970/QĐ-UBND về việc phê duyệt các nhiệm vụ thực hiện trong năm 2023 của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bắc Kạn, theo đó, tại mục 5, phần II Ủy ban nhân dân tỉnh giao đơn vị thực hiện “*Tổ chức các lớp hướng dẫn kiến thức về kinh tế tập thể tại các xã chưa có HTX và các xã có một HTX*”.

Quy định tại chương trình MTQG: Theo khoản 2, Điều 16 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 có nội dung quy định về chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất như sau:

*“Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.*

Dẫn chiếu theo gạch đầu dòng thứ nhất, điểm a, khoản 2, mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 đối tượng thực hiện hỗ trợ là: *“Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể”.*

Từ những nội dung nêu trên, đối tượng thực hiện tuyên truyền tập huấn của nhiệm vụ đang đề xuất bố trí từ của ngân sách địa phương cho Liên minh Hợp tác xã thực hiện (*các sáng lập viên chuẩn bị thành lập HTX; người dân chưa biết tới việc thành lập HTX, tổ chức kinh tế tập thể*) là khác với đối tượng thực hiện từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (*thành viên, người lao động làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ trong Hợp tác xã*).

**3.1.3. Đối với ý kiến: Một số nhiệm vụ chưa rõ cơ sở xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, đề nghị UBND tỉnh làm rõ, gồm:**

a) Mua máy chạy thận và một số thiết bị khác của Sở Y tế 4.840 triệu đồng:

\* *Đối với việc bố trí mua máy chạy thận nhân tạo*

Theo báo cáo của Sở Y tế, hiện nay Bệnh viện đa khoa tỉnh đang quản lý, điều trị cho hơn 90 bệnh nhân thực hiện chạy thận nhân tạo. Trong thời gian qua, một số người bệnh phải thực hiện điều trị ở các bệnh viện tuyến trung ương do số lượng máy chạy thận nhân tạo hiện có không đủ để tiếp nhận người bệnh. Theo thống kê tại Bệnh viện đa khoa tỉnh đang quản lý sử dụng 22 máy chạy thận nhân tạo, trong đó 11 máy còn đang hoạt động thường xuyên, 02 máy thường xuyên hỏng phải sửa chữa; 09 máy đã hỏng hoàn toàn không thể sửa chữa được.

Ngày 25/02/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 294/QĐ-UBND về việc ban hành ban hành bổ sung tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản, Bệnh viện đa khoa tỉnh được phê duyệt định mức 25 máy chạy thận nhân tạo. Như vậy, số máy chạy thận thường xuyên sử dụng được hiện tại mới chỉ đáp ứng 44% định mức (11 máy/25 máy). Trong tổng số tiền 4.840 triệu đồng, có 2.590 triệu đồng dự kiến mua 07 máy chạy thận. Nếu tính bổ sung cả số máy dự kiến mua trong năm 2023, số máy chạy thận cũng mới chỉ đáp ứng được 72% so với định mức (18 máy/25 máy), trong khi nhu cầu thực tế chạy thận tại Bệnh viện đa khoa tỉnh là rất lớn. Vì vậy, việc cân đối ngân sách năm 2023 để mua máy chạy thận là rất cần thiết.

*\* Đối với mua sắm các thiết bị khác*

Theo báo cáo của Ngành Y tế, hiện nay một số máy móc để đáp ứng công tác điều trị đã cũ (*nhiều máy móc đã sử dụng trên 15 năm không còn đảm bảo cho công tác khám, chẩn đoán và điều trị bệnh*), một số máy móc chuyên sâu chưa có, do đó không triển khai các kỹ thuật mới trong khi nhu cầu của người dân về khám chữa bệnh chuyên sâu trên địa bàn ngày càng tăng. Dự toán năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ngành chuyên môn bố trí kinh phí mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể: Tổng số tiền mua sắm máy móc thiết bị khác 2.250 triệu đồng, gồm: Máy tách thành phần máu tự động (máy chiết tách tế bào máu) 1.800 triệu đồng; máy đo nhãn áp phục vụ chuyên môn khoa mắt 450 triệu đồng.

b) Tuyên truyền chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp 36 triệu đồng: Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020-2025) xác định “Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng liên kết sản xuất và nâng cao chuỗi giá trị để tăng thu nhập cho người dân khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới” là một trong 4 nhiệm vụ trọng tâm. Theo đó, việc phát triển các mô hình ứng dụng công nghệ cao đạt các tiêu chuẩn ATTP, hữu cơ VIETGAP, ... gắn với tiêu thụ sản phẩm là rất cần thiết, hiện nay có 155 sản phẩm được chứng nhận OCOP từ 3 sao trở lên, dự kiến tăng lên 170 sản phẩm được công nhận, do đó, việc tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành sử dụng các ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sàn thương mại điện tử để phục vụ quảng bá và đưa các sản phẩm trên vào các thị trường lớn có vai trò hết sức quan trọng.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp được xác định là tạo dựng môi trường, hệ sinh thái số nông nghiệp làm nền móng, kiến tạo thể chế, thúc đẩy phát

triển “Chính quyền số”, chuyển đổi từ “Sản xuất nông nghiệp” sang “Kinh tế nông nghiệp”; phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Ứng dụng công nghệ số là một giải pháp để thực có hiệu quả việc quảng bá và đưa các sản phẩm đến với thị trường và người tiêu dùng. Tuy nhiên, hiện nay đội ngũ cán bộ, công chức trong ngành còn chưa thực sự hiểu về Công tác chuyển đổi số, chưa được đào tạo làm công tác liên quan đến công nghệ số để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Do đó, việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là cần thiết. Biên chế của ngành nông nghiệp lớn, nhiều mảng và nhiều đơn vị trực thuộc do vậy phải tổ chức nhiều lớp khác nhau, sẽ phát sinh chi phí lớn cần hỗ trợ thêm kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên.

c) Chi khảo sát điều động giáo viên trường THPT Chuyên Bắc Kạn, tuyển dụng viên chức năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo 500 triệu đồng.

- Đối với chi khảo sát điều động giáo viên trường THPT Chuyên Bắc Kạn: Trường THPT Chuyên Bắc Kạn được coi là “cái nôi” đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài của tỉnh, do đó việc đảm bảo các điều kiện tốt nhất trong công tác đào tạo luôn là ưu tiên hàng đầu. Xuất phát từ thực tế đó, việc xem xét điều động giáo viên về giảng dạy tại nhà trường trong những năm gần đây là nội dung thường xuyên phải thực hiện. Ngoài vấn đề rà soát qua hồ sơ của các ứng viên, quá trình lựa chọn Sở Giáo dục và Đào tạo còn phải tổ chức thực hiện các hoạt động khác như sát hạch về kiến thức chuyên môn, hoạt động tham dự giờ giảng để đánh giá kỹ năng truyền đạt trên lớp, các khoản chi phí phát sinh cho các hoạt động này bao gồm: Ra đề, chấm bài kiểm tra, chấm bài giảng thực hành. Dự toán chi tiết cho hoạt động này được tính toán trên cơ sở áp dụng nội dung, mức chi tại Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, số kinh phí bố trí cho nội dung này là 50 triệu đồng. Các khoản kinh phí này không nằm trong chi phục vụ hoạt động theo định mức quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Do đó đề xuất ngân sách địa phương bố trí để thực hiện.

- Đối với tuyển dụng viên chức năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo: Hoạt động tuyển dụng viên chức ngành giáo dục được thực hiện theo Công văn số 4356/UBND-NCPC ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hình thức tuyển dụng viên chức. Theo đó, dự toán chi tiết được xây dựng và thẩm định căn cứ theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể gồm các khoản chi: Thuê địa điểm làm đề thi; kiểm tra phiếu; Ra đề, in sao đề; làm phách; chấm thi; chấm phúc khảo (nếu có) và chi phụ cấp theo quy định. Số kinh phí bố trí cho nội dung này là 450 triệu đồng.

**3.2. Về ý kiến thẩm tra đối với Biểu kinh phí nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2023 (trang 123): Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số**



**là 72.046 triệu đồng. Ban đề nghị UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng thể kế hoạch thực hiện Đề án của cả giai đoạn, trong đó báo cáo rõ kết quả thực hiện năm 2022 nội dung nào đã thực hiện, đơn vị thực hiện, kinh phí thực hiện; kế hoạch năm 2023 thực hiện nội dung gì, đơn vị nào thực hiện. Từ đó mới có cơ sở để giao dự toán cho các đơn vị thực hiện.**

UBND tỉnh báo cáo, giải trình như sau:

Thực hiện các văn bản của Trung ương và Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 03/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyên đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, trên cơ sở xin ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, với các mục tiêu chính như sau: Cung cấp dịch vụ công chất lượng cao cho người dân và doanh nghiệp; huy động sự tham gia rộng rãi của người dân, doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số; hoạt động của các cơ quan nhà nước được vận hành tối ưu dựa trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số; giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế-xã hội như: Y tế, giáo dục, giao thông,... chuyển đổi từ Chính quyền điện tử thành Chính quyền số; hoàn thiện, đáp ứng các tiêu chí trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Phấn đấu đến năm 2025, Bắc Kạn nằm trong nhóm trung bình kết quả xếp hạng chỉ số chuyển đổi các tỉnh, thành phố của cả nước.

Tổng kinh phí thực hiện Đề án ước tính: 678,5 tỷ đồng, trong đó: Nguồn ngân sách địa phương 580 tỷ đồng; ngân sách Trung ương, xã hội hóa và các nguồn khác 98,5 tỉ đồng (Giai đoạn 2022 - 2025: 408 tỷ đồng; giai đoạn 2026 - 2030: 270,5 tỷ đồng).

Lộ trình triển khai Đề án: Trên cơ sở các danh mục chuyển đổi số đã được phê duyệt tại Đề án, hằng năm UBND tỉnh phê duyệt danh mục chuyển đổi số ưu tiên để các đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện. Cụ thể:

a) Kết quả thực hiện năm 2022: Ngày 05/4/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 528/QĐ-UBND danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên về chuyển đổi số năm 2022, các danh mục nhiệm vụ, dự án được phê duyệt trong năm 2022 đảm bảo phù hợp với danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số ban hành kèm theo Quyết định số 676/QĐ-UBND. Các nhiệm vụ đều thực hiện theo hướng xây dựng phần mềm nền tảng làm cơ sở để triển khai cho các ứng dụng tiếp theo trong tương lai của từng ngành lĩnh vực, việc triển khai theo định hướng nêu trên giúp cho việc quản lý được thực hiện một cách đồng bộ và thống nhất, đảm bảo khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, trong đó:

- Số danh mục nhiệm vụ, dự án được phê duyệt 21 danh mục;

- Dự kiến kinh phí thực hiện: 34.104 triệu đồng, gồm: Ngân sách địa phương 32.104 triệu đồng để thực hiện 19 nhiệm vụ, dự án (01 nhiệm vụ từ nguồn đầu tư công

với số tiền 6.500 triệu đồng; 18 nhiệm vụ từ nguồn vốn sự nghiệp với số tiền 25.604 triệu đồng); ngân sách Trung ương 2.000 triệu đồng để 02 nhiệm vụ, dự án.

Tình hình triển khai năm 2022: Đến nay, qua rà soát có 12 nhiệm vụ chuyển đổi số đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm 02 nhiệm vụ sử dụng từ nguồn ngân sách Trung ương), các nhiệm vụ chuyển đổi số khác vẫn đang trong quá trình thực hiện công tác thẩm định đề cương và dự toán. Về kinh phí đã bố trí cho 10/12 nhiệm vụ, với số tiền là 13.995,317 triệu đồng (còn 02 nhiệm vụ chuyển đổi số của Sở Giáo dục và Đào tạo đã được phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhưng chưa được bố trí kinh phí); trên cơ sở kinh phí được bố trí, các đơn vị được giao chủ đầu tư đã triển khai lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ. Chi tiết các đơn vị theo biểu sau:

STT	Đơn vị	Nội dung	Số kinh phí bố trí
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>13.995,317</b>
1	Ban Dân tộc tỉnh	Xây dựng “Hệ thống Thông tin dữ liệu về công tác Dân tộc”	1.585,51
2	Sở Tài chính	Xây dựng hệ thống quản lý ngân sách cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp 3 cấp tỉnh Bắc Kạn, hạng mục: Xây dựng hệ thống thông tin tiền lương các cơ quan, đơn vị dự toán ngân sách trên địa bàn tỉnh	1.500
3	Sở Xây dựng	Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn	1.000
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu khoáng sản	2.100
5	Sở Công Thương	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công Thương tỉnh Bắc Kạn	1.022
6	Sở Thông tin và Truyền thông	Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số chuyển đổi số (PDTI) của tỉnh	1.038,48
7	Sở Khoa học và Công nghệ	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh	1.249,327
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Xây dựng và triển khai hệ thống “Quản lý giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo nghề”	2.500
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.000
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.000

Tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2022 còn chậm, đến nay mới phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được 12/21 danh mục, đạt 57% kế hoạch phê duyệt của UBND tỉnh. Số kinh phí dự kiến giải ngân năm 2022 được 8.898 triệu đồng, đạt 63,6% dự toán giao. Nguyên nhân không thể giải ngân thực hiện toàn bộ kinh phí đã bố trí do: Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số rất phức tạp, phải thực hiện rất nhiều khâu, nhiều bước (từ việc lập đề cương, dự toán chi tiết trình các đơn vị chuyên môn thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định, tiếp theo đó, tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ, dự án); thời gian triển khai thực hiện còn ngắn (từ tháng 5 năm 2022 đến hết năm); nhiệm vụ chuyển đổi số là nhiệm vụ mới, các đơn vị còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng trong quá trình lập hồ sơ để trình cơ quan chuyên môn thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với dự toán ngân sách năm 2023: Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bố trí ngay trong dự toán đầu năm số tiền 72.046 triệu đồng để tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, dự án đã phê duyệt thực hiện trong năm 2022 và tiếp tục thực hiện thêm các nhiệm vụ, dự án mới. Việc đề xuất bố trí ngay trong dự toán đầu năm nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế trong năm 2022, tạo điều kiện cho các đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện ngay từ những tháng đầu năm và có đủ thời gian triển khai thực hiện các bước đảm bảo theo tiến độ, mang lại hiệu quả và giải ngân ở mức cao nhất.

*Về các nhiệm vụ chuyển tiếp:* Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục bố trí kinh phí để triển khai đây là các phần mềm nền tảng của các ngành, cần ưu tiên hoàn thiện để làm cơ sở xây dựng thêm các ứng dụng quan trọng khác phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ hoạt động của doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh. Mặt khác, phần lớn các nhiệm vụ đã được phê duyệt và ký kết hợp đồng triển khai thực hiện, nhiều nhiệm vụ đã gần hoàn thành đủ điều kiện nghiệm thu bàn giao để sử dụng cần nguồn kinh phí để chi trả cho nhà thầu theo đúng tiến độ hợp đồng.

Về các nhiệm vụ, dự án mới: Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất triển khai thực hiện 35 nhiệm vụ, dự án mới, với tổng kinh phí là 43.599 triệu đồng.

Các nhiệm vụ mới đề xuất thực hiện nhằm mục tiêu đáp ứng yêu cầu liên thông để chia sẻ dữ liệu giữa cấp tỉnh và Trung ương; tiếp tục hoàn thiện nền tảng và các công cụ quản lý cần thiết khác để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; nâng cao nhận thức, kỹ năng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ tiến trình chuyển đổi số của địa phương đây đều là các nhiệm vụ cần thiết phục vụ cho hoạt động quản lý của các ngành, lĩnh vực và phù hợp với đề án Chuyển đổi số của tỉnh, đã xin ý kiến góp ý của Cục chuyển đổi số quốc gia, các nhiệm vụ vẫn tuân thủ định hướng xây dựng trên cơ sở nền tảng có sẵn không xây dựng các phần mềm riêng lẻ. Có thể chia các nhiệm vụ mới thành 03 nhóm nhiệm vụ chính, cụ thể:

**Nhóm 1:** Nhiệm vụ cần triển khai để đảm bảo thực hiện theo đúng yêu cầu của Chính phủ, cơ quan Trung ương và phục vụ hoạt động chung của các cơ quan, đơn vị địa phương trên địa bàn tỉnh, nhóm này có 02 nhiệm vụ của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là “Hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa

điện tử của tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC” (*Chính phủ yêu cầu hoàn thành chậm nhất tháng 3/2023 tại Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 06/10/2022*) và nhiệm vụ “Thuê phần mềm quản lý văn bản i-office” (phần mềm đang dùng thử nghiệm, bắt đầu từ năm 2023 bắt buộc phải thực hiện thuê dịch vụ nếu tiếp tục sử dụng);

**Nhóm 2:** Triển khai xây dựng nền tảng mới đối với một số ngành (gồm các ngành: Tư pháp; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nội vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giao thông vận tải) và đảm bảo trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyển đổi số (nhiệm vụ mua sắm máy tính, máy scan cho bộ phận tiếp nhận một của cấp xã). Các đơn vị chưa có phần mềm nền tảng cần thiết phải xây dựng để làm cơ sở, tiền đề triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số.

**Nhóm 3:** Xây dựng một số ứng dụng mới trên cơ sở nền tảng sẵn có của các ngành, cụ thể:

- Đối với nhiệm vụ của Sở Xây dựng:

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về Quy hoạch, đồng thời phát triển dữ liệu chuyên ngành. Sau khi Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh được xây dựng, hoàn thiện, CSDL này được tích hợp, đồng bộ về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

+ Ứng dụng khoa học công nghệ cho việc chuyển đổi số: Thực hiện ứng dụng nền tảng mô hình thông tin công trình (BIM) cho việc xây dựng quy trình nhận hồ sơ, thẩm định dự án xây dựng.

- Đối với nhiệm vụ của Sở Y tế:

+ Thực hiện triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông: Việc triển khai hoàn thiện bệnh án điện tử sẽ giúp các bệnh viện chuyển đổi số toàn diện, cung cấp các dịch vụ số cho trực tiếp cho người dân. Ứng dụng hồ sơ bệnh án điện tử sẽ giúp các đơn vị có thể quản lý, lưu trữ hồ sơ bệnh án của bệnh nhân dễ dàng, tiết kiệm nguồn lực, đồng thời dễ dàng chia sẻ thông tin y tế và nâng cao hiệu suất cũng như chất lượng trong công tác chăm sóc người bệnh. Việc hướng tới các bệnh viện không giấy tờ góp phần thúc đẩy công tác chuyển đổi số ngành y tế.

+ Xây dựng kho cơ sở dữ liệu về Y tế (data lake): Hiện nay, Sở Y tế đã hình thành 02 cơ sở dữ liệu chuyên ngành gồm: Cơ sở dữ liệu về khám chữa bệnh và cơ sở dữ liệu về hồ sơ sức khỏe điện tử. Tuy nhiên, đến nay chưa có kho để lưu trữ cơ sở dữ liệu, tích hợp, quản lý, khai thác các cơ sở dữ liệu của các phần mềm đang được triển khai trên toàn tỉnh để phục vụ việc quản lý, khai thác, dự báo các số liệu Y tế.

- Đối với nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ: Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn: Hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, văn bản, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động truy xuất nguồn gốc để phục vụ hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, tính an toàn của sản

phẩm, hàng hóa. Nâng cao nhận thức của xã hội, các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về truy xuất nguồn gốc thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, đào tạo cho các bên liên quan. Đảm bảo công khai, minh bạch các thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa trên thị trường, cung cấp thông tin, kiến thức thiết yếu về truy xuất nguồn gốc.

- Đối với nhiệm vụ của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Xây dựng cơ sở dữ liệu chung ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1: Xây dựng bổ sung trên nền tảng sẵn có ứng dụng theo dõi quản lý dữ liệu về người có công; hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ công tác quản lý của ngành.

- Đối với nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện thuê dịch vụ đối với các ứng dụng mới để phục vụ công tác quản lý các kỳ thi, quản lý thư viện, giáo án điện tử và hoạt động khác trong nhà trường.

- Đối với nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông:

+ Xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử:

+ Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành thông tin và truyền thông giai đoạn 1: nhằm phục vụ công tác quản lý nghiệp vụ, tổng hợp dữ liệu thông tin và truyền thông các lĩnh vực: Bưu chính, viễn thông; công nghệ thông tin; chuyển đổi số.

+ Xây dựng Nền tảng bản đồ số (GIS) tỉnh Bắc Kạn: phục vụ công tác quản lý thống kê, quy hoạch trên nền tảng bản đồ số.

+ Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, Hoạt động diễn tập thực chiến: đảm bảo hệ thống thông tin của tỉnh được an toàn, thông suốt và ứng phó được các mối đe dọa trên không gian mạng.

+ Đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực; Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa: Nhằm tăng cường nhận thức về chuyển đổi số trên phạm vi toàn tỉnh đến từng người dân, doanh nghiệp.

+ Đầu tư thiết bị MCU điều khiển Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh: Phục vụ duy trì Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh đến cấp xã hiện đang sử dụng giai đoạn 2023-2028.

+ Duy trì và mở rộng thuê dịch vụ CNTT hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh: Phục vụ nhu cầu của người dân tại các địa điểm công cộng, góp phần nâng cao chất lượng cải cách hành chính của tỉnh.

- Đối với nhiệm vụ của Sở Tài chính: Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn: Nhằm liên thông cơ sở dữ liệu chi trả toàn bộ chính sách an sinh xã hội trên cùng hệ thống phần mềm từ cấp xã đến cấp huyện, cấp tỉnh; từ đó phục vụ cho việc quản lý, khai thác dữ liệu chi trả các chính sách an sinh xã hội của các cơ quan, đơn vị, cấp có thẩm quyền, đặc biệt là đáp ứng kịp thời, đầy đủ, chính xác kinh phí chi trả cho các đối tượng

hưởng chính sách an sinh xã hội.

**3.3. Về đề nghị UBND tỉnh bổ sung làm rõ việc phân bổ vốn đầu tư của các chương trình MTQG năm 2023 chưa thống nhất giữa Tờ trình về dự toán và Tờ trình về phân bổ kế hoạch đầu tư công (trong dự toán phân bổ chi tiết đến từng công trình và chủ đầu tư; trong phân bổ kế hoạch đầu tư công lại giao cho UBND tỉnh phân bổ chi tiết); chưa phân bổ hết kế hoạch vốn thực hiện các chương trình MTQG năm 2023.**

UBND tỉnh tiếp thu chỉnh sửa số liệu tại Biểu số 35 (dự toán chi ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, đơn vị, tổ chức năm 2023) để phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện theo quy định; đồng thời giải trình về số kế hoạch vốn chưa dự kiến phân bổ, cụ thể:

- Vốn đầu tư phát triển chưa phân bổ 4.438 triệu đồng, trong đó: 2.849 triệu đồng của tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, hiện đang trình điều chỉnh Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh theo hướng điều chỉnh về tập trung vốn cho cấp tỉnh điều hành, phân bổ theo dự án được phê duyệt, do đó chưa có cơ sở để phân bổ chi tiết; 1.589 triệu đồng của Dự án 10 do cấp tỉnh điều hành, do hiện nay Bộ Thông tin và Truyền thông chưa có hướng dẫn triển khai nên chưa có cơ sở phân bổ chi tiết.

- Vốn sự nghiệp chưa phân bổ 79.834 triệu đồng của Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm: kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3, với số tiền 67.409 triệu đồng chưa đủ điều kiện phân bổ cho các dự án theo danh mục phê duyệt; kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 5 với số tiền là 12.425 triệu đồng chưa đủ căn cứ phân bổ cho các đơn vị thực hiện (nội dung chi tiết đã được giải trình tại phần thuyết minh phân bổ vốn sự nghiệp chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gửi kèm Báo cáo số 754/BC-UBND).

**3.4. Về đề nghị làm rõ nguyên nhân và cách xác định đơn giá tại phụ biểu số 04 về phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ, quản lý đất trồng lúa, đơn giá hỗ trợ theo nội dung giữa các huyện, thành phố có sự chênh lệch lớn.**

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo làm rõ thêm nội dung nêu trên như sau:

Nội dung tại phụ biểu số 04 về hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, các địa phương xác định thực hiện theo 2 mô hình: (i) tiếp tục triển khai mô hình ứng dụng kỹ thuật canh tác lúa cải tiến SRI: chi phí thực hiện mô hình chủ yếu tập trung vào vật tư, kinh phí hỗ trợ thấp; (ii) thực hiện các mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ: các nội dung gồm hỗ trợ vật tư, tập huấn kỹ thuật, kinh phí chi cán bộ hỗ trợ người dân hoàn thiện hồ sơ đảm bảo đánh giá cấp chứng nhận hữu cơ, kinh phí phân tích mẫu đất, hội thảo, quảng bá nhân rộng mô hình, do đó kinh phí đầu tư cho 1 mô hình rất lớn.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện 02 loại mô hình trên được xác định theo các

nội dung sau: (i) hỗ trợ vật tư (giống, phân bón): loại giống, phân bón của các địa phương lựa chọn khác nhau có đơn giá, định mức khác nhau dẫn đến kinh phí khác nhau; (ii) tập huấn kỹ thuật: định mức chi được xây dựng theo các quy định hiện hành, tuy nhiên số hộ dân tham gia mô hình, số lớp tập huấn tùy thuộc vào quy mô của từng mô hình. Do mô hình sản xuất tại các địa phương khác nhau dẫn đến kinh phí thực hiện của từng địa phương khác nhau; (iii) tổ chức hội thảo, tổng kết nhân rộng mô hình: số cuộc hội thảo tổng kết phụ thuộc vào danh điểm thực hiện các mô hình, với tổng diện tích (ví dụ 100ha) có địa phương triển khai trên 5 xã, có địa phương triển khai trên 10 xã do đó có sự khác nhau về số lượng hội thảo nhân rộng mô hình dẫn đến kinh phí khác nhau; (iv) kinh phí cấp chứng nhận an toàn thực phẩm hoặc cấp chứng nhận hữu cơ mỗi loại chứng nhận có 1 đơn giá khác nhau dẫn đến kinh phí khác nhau.

Do vậy, tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các mô hình sản xuất của từng địa phương có sự chênh lệch cao, thấp tùy thuộc vào loại mô hình và quy mô từng mô hình. Theo đó, đơn giá tại Biểu số 04 (là số cơ học được chia từ tổng nhu cầu kinh phí của đơn vị, địa phương trên diện tích dự kiến thực hiện) sẽ có sự khác nhau giữa các địa phương.

**3.5. Về ý kiến “hệ thống biểu mẫu kèm theo dự thảo Nghị quyết còn thiếu biểu số 38 theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ; số liệu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; số liệu chi đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương năm 2023 giữa Báo cáo dự toán ngân sách địa phương và kế hoạch đầu tư công chưa thống nhất”.**

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung, hoàn thiện hệ thống biểu mẫu kèm theo dự thảo Nghị quyết đảm bảo đầy đủ theo quy định, đồng thời chỉnh sửa số liệu thu ngân sách tại Báo cáo số 730/BC-UBND ngày 18/11/2022.

**3.6. Về đề nghị bỏ Điều 3 và chỉnh sửa một số nội dung như dự thảo Nghị quyết kèm theo báo cáo thẩm tra,**

UBND tỉnh tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết theo báo cáo thẩm tra, đồng thời đề nghị HĐND xem xét không bỏ Điều 3 tại dự thảo Nghị quyết và chỉnh sửa theo nội dung: “Điều 3. Đối với nguồn kinh phí trung ương bổ sung trong năm và nguồn kinh phí tỉnh điều hành thực hiện chính sách cải cách tiền lương, tinh giản biên chế, an sinh xã hội. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất” để đảm bảo thời gian phân bổ và giao dự toán theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 50, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (phải hoàn thành chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán) và kịp thời cấp kinh phí cho các đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các chính sách an sinh xã hội chưa bố trí đủ trong dự toán đầu năm.

*(Gửi kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND và hệ thống Biểu mẫu sau khi chỉnh*

*sửa, hoàn thiện).*

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách, HĐND tỉnh để các đại biểu HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, quyết nghị./.

***Nơi nhận:***

- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Lan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đình Quang Tuyên**